

Số: 432/2022/QĐST-HNGĐ

Biên Hòa, ngày 22 tháng 03 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 396 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 452/2022/TLST-VHNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Ông Phạm Văn B, sinh năm 1973.

2/ Bà Võ Thị T, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Tổ 38, khu phố 9, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Ông Phạm Văn B và bà Võ Thị T thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn B và bà Võ Thị T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Phạm Văn B và bà Võ Thị T. Giao các con chung là cháu Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 31/07/2007 và cháu Phạm Võ Thành C, sinh ngày 05/01/2015 cho bà T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời, ông B không cấp dưỡng nuôi các con chung. Riêng cháu Phạm Huy H, sinh năm 2001 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông B, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, ông B vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi dưỡng cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn B và bà Võ Thị T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Phạm Văn B và bà Võ Thị T. Giao các con chung là cháu Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 31/07/2007 và cháu Phạm Võ Thành C, sinh ngày 05/01/2015 cho bà T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời, ông B không cấp dưỡng nuôi các con chung. Riêng cháu Phạm Huy H, sinh năm 2001 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông B, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, ông B vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi dưỡng cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Phạm Văn B và bà Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0001427 ngày 18/02/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa được tính trừ vào lệ phí ông B và bà T phải nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND phường (xã) nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Xuân Hương**